TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26/5/2025
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Đặng Anh Việt.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Khả Hòa và bà Lê Thị Cần.
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02/12/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 197/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 29/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 8, ấp 3, xã Phú Lộc, huyện T, tỉnh Đ.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1982; địa chỉ: Làng Le 1, xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai vào ngày 24/5/2023.

Sau khi kết hôn, anh T và chị Hồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, vợ cH thường xuyên xảy ra cãi vã về vấn đề tiền bạc, cuộc sống vợ cH không hòa thuận, không hạnh phúc. Sau đó, chị Hồng bỏ lên G sinh

sống từ tháng 3/2024, vợ chồng anh, chị sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ cH không còn quan tâm, hỏi thăm gì tới nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ cH đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, tình cảm vợ cH không còn nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hồng.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn T khai không có nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên toà.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh T và chị Hồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ cH đã sống ly thân một thời gian, anh T có đơn xin ly hôn, chị Hồng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Toà án để tham gia tố tụng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ cH, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu T, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu T và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, anh T không còn yêu T chị Hồng, không còn mong muốn chung sống cùng chị Hồng nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đều không có nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng có địa chỉ tại làng Le 1, xã Ia Lang, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Hồng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng trải qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, vì vậy hôn nhân giữa anh T và chị Hồng là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình chung sống với chị Hồng, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Hồng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ cH, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu T, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng anh T và chị Hồng không ở bên nhau để yêu T và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, anh T không còn yêu T chị Hồng, không còn mong muốn chung sống cùng chị Hồng nữa. Như vậy, anh T và chị Hồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ cH, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, chị Hồng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải, lấy lời khai, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì. Điều đó thể hiện chị Hồng không còn quan tâm tới quan hệ hôn nhân với anh T, không mong muốn vợ cH đoàn tụ. Vì vậy, anh T yêu cầu ly hôn với chị Hồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh T khai không có con chung, tài sản chung, nợ chung. Chị Hồng không có ý kiến gì về con chung, tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;

- Các Điều 9, 19, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007932, ngày 02/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Anh T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đặng Anh Việt